

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 05-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Xuân Tuấn
- Ông Nguyễn Duy Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS, ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tham gia tố tụng với bên nguyên đơn):* Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Bà Vy Thị N. Địa chỉ: Thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2024, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn Th trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T có quan hệ họ hàng. Bà Nguyễn Thị T là người mua buôn quả na, từ năm 2023 ông có bán na cho bà Nguyễn Thị T. Các lần mua bán na trong năm 2023 bà Nguyễn Thị T đã thanh toán đủ tiền. Đến vụ na năm 2024, bắt đầu từ ngày 17/6/2024 âm lịch, ông tiếp tục bán na cho bà Nguyễn Thị T. Các lần cụ thể như sau: Đối với mã na

ngày 17/6/2024 âm lịch, bán 98 kg x 30.000 đồng/kg = 2.940.000 đồng, bà Nguyễn Thị T đã trả được 1.940.000 đồng, còn nợ 1.000.000 đồng đến cuối vụ khi cộng sổ sẽ trả nốt nhưng đến cuối vụ bà Nguyễn Thị T cũng không trả; đối với mã na các ngày 19/6/2024, 20/6/2024, 22/6/2024, 23/6/2024, 24/6/2024, 26/6/2024 bà Nguyễn Thị T đã thanh toán đủ tiền nên đã gạch chéo vào trong sổ bên cạnh có ghi chữ “đã trả”; đến ngày 27, 28/6/2024 âm lịch, trong hai ngày ông đã bán tổng 582 kg na (sau khi trừ 15 kg thùng xốp) x 18.000 đồng/kg = 10.476.000 đồng, khi lấy na ngày 27/6/2024 bà Nguyễn Thị T có trả trước 3.500.000 đồng, tuy nhiên hai bên thống nhất tính tròn bà Nguyễn Thị T còn nợ lại 7.000.000 đồng; ngày 29/6/2024 âm lịch, bán 220 kg na x 18.000 đồng/kg = 3.960.000 đồng, bà Nguyễn Thị T hẹn đến tối quay lại trả tiền nhưng đến hẹn vẫn chưa thanh toán tiền; ngày 01/7/2024 âm lịch, bán 101 kg na x 16.000 đồng/kg = 1.616.000 đồng, bà Nguyễn Thị T trả 2.000.000 đồng để trừ vào 7.000.000 đồng còn lại của mã na hai ngày 27, 28/6/2024 âm lịch (trừ đi thì bà Nguyễn Thị T còn nợ 5.000.000 đồng), còn mã na bán ngày 01/7/2024 bà Nguyễn Thị T chưa trả tiền; ngày 03/7/2024 âm lịch bán 50 kg na x 16.000 đồng = 800.000 đồng, bà Nguyễn Thị T trả 3.000.000 đồng để trừ vào 5.000.000 đồng tiền nợ còn lại của mã na hai ngày 27, 28/6/2024 âm lịch (trừ đi thì bà Nguyễn Thị T còn nợ 2.000.000 đồng), mã na ngày 03/7/2024 bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán; ngày 04/7/2024 âm lịch, bán 50 kg na cho bà Nguyễn Thị T x 16.000 đồng = 800.000 đồng, hôm đó do ông đi ăn cỗ trong quê vợ ở xã Thiệu Tân nên ông đóng na vào thùng xốp sẵn gửi bên nhà mẹ đẻ là bà Vy Thị N ở ngay sát nhà để bà Nguyễn Thị T lên lấy na, hôm đó bà Nguyễn Thị T chưa trả tiền cho ông cũng không gửi tiền na lại cho mẹ ông. Tính đến ngày 06/8/2024 âm lịch, bà Nguyễn Thị T còn nợ các mã na sau: mã na ngày 17/6/2024 nợ 1.000.000 đồng; ngày 27, 28/6/2024 nợ lại 2.000.000 đồng; ngày 29/6/2024 nợ 3.960.000 đồng; Ngày 01/7/2024 nợ 1.616.000 đồng; ngày 03/7/2024 nợ 800.000 đồng và ngày 04/7/2024 âm lịch nợ 800.000 (tất cả đều là ngày âm lịch); tổng số tiền bà Nguyễn Thị T còn nợ là 10.176.000 đồng.

Ngày 06/8/2024 âm lịch bà Nguyễn Thị T vào nhà ông để thanh toán số tiền na còn nợ, bà Nguyễn Thị T muốn hẹn mấy hôm nữa nhưng ông không đồng ý và đi ra ngoài rửa sân. Bà Nguyễn Thị T ngồi trong nhà nói chuyện với vợ ông. Một lúc sau vợ ông ra gọi và nói rằng bà Nguyễn Thị T chỉ đồng ý trả 3.000.000 đồng, vợ ông đã cầm và đưa lại cho ông nên ông viết vào sổ chốt nợ “cộng tổng tiền na năm 2024” bà Nguyễn Thị T nợ 10.176.000 đồng, ngày 6/8/2024 âm lịch trả 3.000.000 đồng, còn 7.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T hẹn đến 10/8/2024 âm lịch sẽ trả hết. Bà Nguyễn Thị T được đọc và ký xác nhận nợ ở cuối trang giấy chốt nợ. Tuy nhiên, khi đến hẹn bà Nguyễn Thị T không trả tiền, ông đã gọi điện thoại nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị T nói là đã trả hết tiền. Theo giấy chốt nợ, bà Nguyễn Thị T còn nợ ông 7.000.000 đồng, lúc đó ông đã bớt 176.000 đồng, do bà Nguyễn Thị T cố tình trốn tránh không trả nên ông yêu cầu tính đủ là 7.176.000 đồng. Việc ông làm na, mua bán na với bà Nguyễn Thị T không liên quan gì đến vợ là bà Nguyễn Thị Th1, vợ ông đi bán thịt lợn ở chợ từ sáng sớm và thường về muộn nên không biết được việc ông mua bán na như thế nào.

Về tờ lịch ghi mã na bà Nguyễn Thị T cung cấp cho Toà án, là do ông ghi các mã còn nợ tiền (phần chữ viết màu mực đậm hơn) ra một tờ lịch để bà Nguyễn Thị T đối chiếu, cụ thể: ngày 28/6 = 2.000.000, ngày 29/6 = 3.960.000, ngày 1/7 = 1.616.000, ngày 3/7 = 800.000, ngày 4/7 = 800.000, nợ cũ = 1.000.000; = 10.176.000; toàn bộ chữ còn lại trong tờ lịch đều do bà Nguyễn Thị T tự ghi vào.

Ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả đủ số tiền 7.176.000 đồng theo giấy cộng tổng tiền na 2024, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T, về số tiền 400.000 đồng bà cho rằng đã trả thừa tiền na ngày 06/8/2024 âm lịch, ông không đồng ý. Theo Sổ ghi từng mã na, tính đến ngày 06/8/2024 âm lịch bà Nguyễn Thị T còn nợ tổng tiền na là 7.176.000 đồng, bà Nguyễn Thị T được ký chốt nợ vào trong sổ, như vậy bà trình bày đã trả hết nợ và ông còn nợ lại 400.00 đồng là không đúng; đối với số tiền 80.000 đồng ông thừa nhận là có được mua hoa quả và rau của bà Nguyễn Thị T và chưa trả tiền nên ông nhất trí trả số tiền này.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Lê Văn Th có mối quan hệ họ hàng. Bà là chủ mua na nên năm 2023 có mua na với ông Lê Văn Th và hai bên đã thanh toán đầy đủ. Đến vụ na năm 2024, bà tiếp tục mua na của nhà ông Lê Văn Th. Mỗi lần mua bán na đều ghi vào sổ của ông Lê Văn Th, cụ thể các lần mua bán đúng như ông Lê Văn Th trình bày, nhưng về số tiền trả nợ thì cụ thể như sau: Đối với mã na ngày 17/6/2024 âm lịch bà được mua 98 kg na với giá tiền 2.940.000 đồng, đã trả được 2.000.000 đồng, còn nợ 1.000.000 đồng; đối với các mã na ngày 19/6/2024, 20/6/2024, 22/6/2024, 23/6/2024, 24/6/2024, 26/6/2024 đã thanh toán đủ tiền và ông Lê Văn Th gạch chéo vào trong sổ bên cạnh có ghi chữ “đã trả”; đối với mã na ngày 27, 28/6/2024 âm lịch, có mua na với tổng số tiền là 10.476.000 đồng, khi lấy na ngày 27/6/2024 bà có trả trước 3.500.000 đồng, đến ngày hôm sau 28/7/2024 tiếp tục mua na và trả tiếp 2.000.000 đồng cho ông Lê Văn Th nhưng không bảo ông trừ số tiền này vào sổ ghi nợ vì nghĩ rằng ông Lê Văn Th sẽ tự trừ tiền vào sổ của mình, số tiền bà còn nợ của hai mã na ngày 27, 28/6/2024 âm lịch là 5.000.000 đồng và 1.000.000 đồng mã na ngày 17/6/2024 âm lịch. Khi ông Lê Văn Th chốt sổ của ngày 27, 28/6 bà cũng có mặt ở đó, bà có biết chữ và được kiểm tra nhưng bà cũng không biết ông Lê Văn Th cộng tiền bao nhiêu, do khi đó bà đang vội đi nên không để ý và cũng không có ý kiến gì về số tiền nợ đã chốt; ngày 29/6/2024, mua 220 kg với giá tiền 3.960.000 đồng, hẹn đến ngày 03/7/2024 âm lịch sẽ trả tiền nhưng buổi trưa cùng ngày bà đã mang tiền sang trả cho ông Lê Văn Th ở cổng nhà; ngày 01/7/2024 âm lịch, mua tiếp 1.616.000 đồng tiền na, bà chưa trả tiền mã na này mà trả số tiền 3.000.000 đồng của mã na ngày 27, 28/6/2024 âm lịch; sáng ngày 03/7/2024 âm lịch bà đến nhà ông Lê Văn Th để mua 50 kg na nhưng vợ chồng ông không ở nhà nên đã gửi na ở nhà bà Ních (mẹ ông Lê Văn Th ở ngay cạnh nhà ông Thao) với giá 800.000 đồng. Buổi trưa cùng ngày bà quay lại để bán hoa quả cho bà Ních thấy ông Lê Văn Th có mặt ở nhà, bà có gọi ông sang nhà bà Ních để trả hết số tiền 2.000.000 đồng còn nợ của mã na ngày 27, 28/6/2024 âm lịch; ngày 04/7/2024 âm lịch, mua 50 kg với giá 800.000 đồng, chưa trả tiền ngay mà hẹn cuối vụ hết na sẽ trả tiền nhưng hôm đó bà có trả số tiền 3.960.000 đồng mã na ngày 29/6/2024, bà

còn được bớt 10.000 đồng; đến ngày 06/8/2024 âm lịch bà đến nhà ông Thao để thanh toán số tiền còn lại và đã đưa cho vợ ông Lê Văn Th là bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 3.000.000 đồng để thanh toán hai mã na ngày 03/7/2024 và ngày 04/7/2024 âm lịch và số tiền còn nợ ngày 17/6/2024 âm lịch, tổng là 2.600.000 đồng. Các lần bà trả tiền đều không có ai chứng kiến hay lập giấy tờ gì, ông Lê Văn Th sẽ tự gạch vào sổ của mình. Chỉ có ngày 03/7 âm lịch có sự chứng kiến của bà Vy Thị N.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T khai, ngày 03/7 bà trả 2.000.000 đồng của mã na ngày 27, 28/6; ngày mừng 4/7 trả số tiền 3.960.000 của mã ngày 29/6 và 1.600.000 đồng của mã na ngày 01/7, đến ngày 06/8 thì trả thêm 3.000.000 đồng của mã na ngày 03, 04/7 và 1.000.000 đồng còn nợ của mã ngày 17/6, tất cả đều là ngày âm lịch. Như vậy là bà đã trả hết nợ và ông Thao còn nợ bà 400.000 đồng. Ngày 06/8/2024 âm lịch, khi hai bên cùng chốt nợ, ông Lê Văn Th có ghi vào sổ “cộng tổng tiền na năm 2024”, bà có được đọc lại và ký tên, do lúc đó vội đi đóng hàng hoa quả bà chưa cộng lại các mã na nên đã yêu cầu ông Lê Văn Th viết ra mặt sau của một tờ lịch các mã na còn nợ để đối chiếu. Đến tối cùng ngày, sau khi đối chiếu lại bà gọi điện thoại nói rằng đã trả hết tiền nhưng ông Lê Văn Th không nhất trí. Bà hẹn đến ngày 10.8.2024 âm lịch vào nhà bà chốt lại nợ, tuy nhiên ông Thao không vào, từ đó đến nay mà chỉ trao đổi qua điện thoại. Có một vài lần gặp nhau ở đường, ông Lê Văn Th đòi bà trả nợ nhưng bà nói là đã trả hết tiền thì bị ông Lê Văn Th dọa đánh.

Đối với mặt sau của tờ lịch đúng như ông Lê Văn Th trình bày, các dòng ngày 28/6 = 2.000.000, ngày 29/6 = 3.960.000, ngày 1/7 = 1.616.000, ngày 3/7 = 800.000, ngày 4/7 = 800.000, nợ cũ = 1.000.000; = 10.176.000 do ông Thao ghi, toàn bộ chữ còn lại trong tờ lịch là do bà viết vào tối ngày 06.8.2024 âm lịch, trước khi gọi điện thoại cho ông Lê Văn Th.

Ngày 29/6/2024 âm lịch, ông Thao có mua của bà 01 quả dưa hấu, 01 quả dưa vàng và 5.000 đồng tiền mứt ngọt nhưng chưa trả tiền.

Tính đến nay bà đã tranh toán đủ tất cả các mã na mua trong năm 2024 nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th. Do ông Lê Văn Th còn nợ tiền nên bà có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Thao phải trả số tiền 480.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2024, bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn Th, việc mua bán giữa chồng bà và bà Nguyễn Thị T bà không được biết. Ngày 06/8/2024 âm lịch bà Nguyễn Thị T có lên nhà bà chốt nợ tiền mua na với ông Lê Văn Th, bà có được chứng kiến hai bên chốt lại số tiền na còn nợ là 10.176.000 đồng, bà Nguyễn Thị T có được đọc lại và ký vào sổ của ông Lê Văn Th. Ngày hôm đó bà Nguyễn Thị T có đưa cho bà số tiền 3.000.000 đồng và hẹn đến 10/8/2024 âm lịch sẽ trả hết. Sau khi bà Nguyễn Thị T về thì bà đã đưa toàn bộ số tiền này cho chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Các đương sự, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 78 Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung vụ án đề

ngợi Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 351, 430, 440 Bộ luật Dân sự: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th, buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn Th số tiền mua na còn nợ là 7.176.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T, buộc ông Lê Văn Th phải trả cho bà Tâm số tiền mua hoa quả chưa trả là 80.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông Lê Văn Th phải trả số tiền 400.000 đồng; về án phí: căn cứ điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, do yêu cầu của ông Lê Văn Th được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định. Đối với yêu cầu phản tố của bà Tâm không được chấp nhận bà Tâm phải chịu án phí, phần được chấp nhận ông Thao phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế của gia đình nên được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1, người làm chứng bà Vy Thị N, tuy nhiên họ đã có lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xác định: Có việc bà Nguyễn Thị T mua na với ông Lê Văn Th từ năm 2023. Các lần mua bán na trong năm 2023 đều đã thanh toán xong. Do có quan hệ họ hàng nên năm 2024, hai bên chuyển sang phương thức mua nợ, trả trước một phần hoặc toàn bộ hoặc mã na sau sẽ trả tiền của mã na trước. Việc mua, bán na giữa hai bên được giao kết bằng lời nói, nguyên đơn có sổ ghi chép theo dõi các lần mua bán na, không có việc ký nhận trong sổ (trừ giấy cộng tổng tiền na 2024). Khi giao na, trả tiền, mua mã na ngày nào trả tiền ngày đó, nếu chưa trả đủ sẽ ghi nợ, sau một khoảng thời gian thì hai bên sẽ cùng cộng sổ chốt nợ với nhau để thanh toán.

[4] Nguyên đơn ông Lê Văn Th giao nộp cho Tòa án 01 quyển sổ có ghi các lần lấy hàng, trả tiền với bà Nguyễn Thị T, trong đó 01 tờ giấy có nội dung “*Cộng tổng tiền na 2024. Chị Tâm nợ là 10.176.000 đồng (mười triệu một trăm bảy sáu nghìn), ngày 06/8 âm lịch trả ba triệu. Tổng còn bảy triệu 7.000.000 đồng hẹn đến 10/8 âm lịch trả nốt*”. Có chữ ký cùng tên của bà Nguyễn Thị T. Bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận có được mua quả na với ông Lê Văn Th từ 2023 và đã thanh toán xong các mã na của năm 2023. Đến năm 2024, mỗi lần lấy na đều ghi

vào sổ của ông Lê Văn Th. Khi ông Lê Văn Th cộng chót sổ số tiền nợ, bà có mặt và khẳng định chữ ký và tên tại giấy cộng tổng tiền na 2024 là của bà, do bà tự nguyện ký sau khi đã kiểm tra lại. Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà Nguyễn Thị T có nợ của ông Lê Văn Th số tiền 7.176.000 đồng. Tuy khi chót nợ hai bên đã chót số tiền là 7.000.000 đồng và hẹn đến 10/8/2024 sẽ thanh toán, do bà Nguyễn Thị T không thực hiện theo thỏa thuận nên ông Lê Văn Th yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả đủ số tiền 7.176.000 đồng là có căn cứ. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền còn nợ là 7.176.000 đồng.

[5] Bà Nguyễn Thị T cung cấp cho Tòa án 01 tờ lịch, mặt sau có nội dung “*giấy này em Thao ghi*”, trên đó có ghi các ngày lấy na và số tiền. Bà Nguyễn Thị T cho rằng sau khi chót nợ đã yêu cầu ông Lê Văn Th viết vào mặt sau một tờ lịch các mã na còn nợ. Đến tối sau khi đối chiếu lại thì thấy rằng đã trả hết nợ nên đã gọi điện thoại trao đổi với ông Lê Văn Th. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng việc bà Nguyễn Thị T cho rằng đã trả hết số tiền na đã nợ cho ông Lê Văn Th vào ngày 06/8/2024 âm lịch là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi hai bên chót nợ vào ngày 06/8/2024 âm lịch bà đã được kiểm tra và tự nguyện ký tên. Theo giấy cộng tổng tiền na 2024 có ghi rõ “*Tổng còn bảy triệu 7.000.000 đồng hẹn đến 10/8 âm lịch trả nốt*” nếu đã trả hết tiền thì sẽ không hẹn ngày trả nợ, do đó có cơ sở để khẳng định bị đơn còn nợ tiền nguyên đơn. Đối với mặt sau của 01 tờ lịch, bà Nguyễn Thị T cũng thừa nhận các dòng chữ có ghi “*Ngày 28/6 = 2.000.000, ngày 29/6 = 3.960.000, ngày 01/7 – 1.616.000, ngày 3/7 = 800.000, ngày 4/7 = 800.000, nợ cũ = 1.000.000, = 10.176.000*” là do ông Lê Văn Th ghi, còn lại 05 chữ “*Rồi*” là do bà tự ghi vào. Hai bên cũng chưa từng đối chiếu chót nợ với nhau theo tờ lịch này. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T nhiều lần thay đổi ý kiến về ngày trả tiền của các mã na. Bà Nguyễn Thị T còn trình bày bà có sổ theo dõi việc mua bán na với nhiều người nhưng riêng với ông Lê Văn Th thì lại không ghi vì lấy mã na nào trả tiền mã na đó nhưng thực tế khi lấy na bà có nợ tiền ông Lê Văn Th. Hơn nữa, bà cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho phần trình bày của mình. Như vậy không có căn cứ để chứng minh bà đã thanh toán số tiền nợ cho ông Lê Văn Th.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: vào ngày 06/8/2024 âm lịch bà Nguyễn Thị T cho rằng đã trả cho ông Lê Văn Th 3.000.000 đồng nhưng thực tế bà chỉ còn nợ hai mã na ngày 03, 04/7/2024 âm lịch là 1.600.000 đồng và mã na ngày 17/6/2024 âm lịch (mã na mua ngày đầu tiên), tổng là 2.600.000 đồng nên bà đã tự ghi trả thừa cho ông Thao 400 (tức là 400.000 đồng) vào trong tờ lịch. Bà Vy Thị N là mẹ ông Lê Văn Th khai nhận không được chứng kiến việc bà trả tiền cho ông Lê Văn Th vào ngày 02/7/2024 âm lịch. Như đã phân tích ở mục [4] và mục [5] do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình ngoài mặt sau của tờ lịch do bị đơn tự ghi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu phản tố đối với số tiền 400.000 đồng. Đối với số tiền 80.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận có được mua của bị đơn 01 quả dưa hấu, 01 quả dưa vàng và 5.000

đồng tiền mướt ngọt, tổng cộng là 80.000 đồng nhưng chưa trả tiền. Do đó có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc ông Lê Văn Th phải trả số tiền 80.000 đồng.

[7] Về lãi suất: Do các đương sự không ai có yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Tâm phải chịu 358.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 đồng án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận; nguyên đơn ông Lê Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 351, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho ông Lê Văn Th tổng số tiền 7.176.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Lê Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 80.000 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Lê Văn Th phải thanh toán số tiền 400.000 đồng.

5. Án phí: Ông Lê Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận ông Lê Văn Th đã nộp đủ 300.000 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số: 0004870 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 658.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005001, ngày 03/3/2025. Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp tiếp số tiền 358.800 đồng

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thảo Nguyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Toàn

Đặng Xuân Tuấn

Ngô Thảo Nguyên